TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:73/2023/DSST
Ngày: 18/9/2023.
Về việc:"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Đặng Thị Ngọc Diệu.
2. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2023/TLST- DS ngày 06/4/2023 "*V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2022/QĐXXST – DS ngày 11/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 496/2023/QĐST – DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang A, sinh năm 1988.
Địa chỉ: khu phố 4, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Mai Hoàng C, sinh năm 1969.
Địa chỉ: khu phố 5, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/Bà Phạm Thị Thanh E, sinh năm 1968
Địa chỉ: khu phố 5, phường F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
2/ Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1993.
Địa chỉ: khu phố 7, phường H, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên toà có mặt ông A, bà G, vắng mặt ông C, bà E.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Quang A trình bày:**

Ông Mai Hoàng C có vay của ông số tiền 3.000.000.000 đồng để thực hiện kinh doanh bất động sản và phục vụ trang trãi việc sinh hoạt của gia đình. Thời

hạn vay là 12 tháng và lãi suất theo thoả thuận là 0,2% bắt đầu từ ngày 01/4/2021 có làm giấy mượn và nhận tiền. Từ khi vay mượn cho hết năm 2021, ông C chỉ việc trả số tiền là 410.000.000 đồng. Đến nay đã hơn 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng vay mượn ông C vẫn không thực hiện trả nợ và có biểu hiện tẩu tán tài sản và không chịu trả tiền mặt mặc dù ông đã liên hệ nhiều lần. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 3.000.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quang A trình bày: ông C đã trả số tiền 410.000.000 đồng, nên nay ông yêu cầu ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 2.590.000.000 đồng, ông không yêu cầu lãi suất.

***/Theo bản tự khai ngày 10/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc G trình bày**: số tiền 3.000.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng bà, nay bà yêu cầu ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E phải trả cho vợ chồng bà số tiền trên, bà không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên toà bà G thống nhất lời trình bày của ông Trần Quang A.

***/Bị đơn ông Mai Hoàng C:** đã nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không làm bản tự khai và không cung cấp chứng cứ gì và không đến Toà để giải quyết vụ án. Do đó, Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

***/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh E:** từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Do đó, Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà vắng mặt ông C, bà E.

Tại kết luận giám định số 825/KL-KTHS ngày 02/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận như sau: "…Chữ ký, chữ viết mang tên Mai Hoàng C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Hoàng C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M7 là do cùng một người ký, viết".

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Mai Hoàng C, bà Phạm Thị Thanh E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Quang A và bà Lê Thị Ngọc G số tiền là 2.590.000.000 đồng, do ông C, bà E đã thuận A ly hôn theo quyết định số 78/2023/QĐST – HNGĐ ngày 04/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết nên được chia phần như sau: ông Mai Hoàng C có trách nhiệm trả nợ cho ông A, bà G số tiền là 1.295.000.000 đồng. Bà Phạm Thị Mai Thanh E có trách

nhiệm trả nợ cho ông A, bà G số tiền là 1.295.000.000 đồng. Ông A không yêu cầu lãi suất nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: phía bị đơn ông Mai Hoàng C, bà Phạm Thị Thanh E có nơi cư trú tại khu phố 5, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Ông Trần Quang A khởi kiện yêu cầu ông C, bà E trả số tiền còn lại là 2.590.000.000 đồng. Căn cứ theo qui định tại khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang A về việc*"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ông Trần Quang A yêu cầu ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E phải trả số tiền còn lại là 2.590.000.000 đồng. Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng cho vay ngày 01/4/2021 (bản chính); Giấy biên nhận tiền mặt ngày 01/4/2021 (bản chính), kết luận giám định (bản chính).

[3] Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp chứng cứ gì.

[4] Qua xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Việc ông A cho ông C vay tiền thì sự việc này có thật đã được nguyên đơn ông A chứng minh qua Hợp đồng vay ngày 01/4/2021, giấy biên nhận tiền mặt ngày 01/4/2021 và kết luận giám định 825/KL-KTHS ngày 02/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

Phía bị đơn ông Mai Hoàng C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Tại Hợp đồng cho vay ngày 01/4/2021 thể hiện như sau *"...bên cho vay Trần Quang A, bên vay Mai Hoàng C, số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh bất động sản phục vụ gia đình, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tự thoả thuận 02,%, bên vay có trách nhiệm trả lãi hàng tháng, trả lãi và gốc theo thoả thuận hai bên, bên vay chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng, đầy đủ những nghĩa vụ đã cam kết hợp đồng vay vốn như đã nêu ở trên..."*.

Tại giấy biên nhận tiền mặt ngày 01/4/2021 như sau "…*Căn cứ vào hợp đồng vay tiền mặt được lập ngày 01/4/2021 được ký kết giữa ông Trần Quang A và ông Mai Hoàng C, đã tiến hành bàn giao số tiền 3.000.000.000 đồng*…".

Tại kết luận giám định số 825/KL-KTHS ngày 02/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận như sau: *"...Chữ ký, chữ viết mang tên Mai Hoàng C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Hoàng C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M7 là do cùng một người ký, viết"*.

[6] Theo Điều 92, Điều 93 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tiền, giấy biên nhận tiền và kết luận giám định của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận được xem là nguồn chứng cứ chứng minh của nguyên đơn.

[7} Ông Mai Hoàng C đã vi phạm hợp đồng không trả tiền cho ông Trần Quang A, do đó ông A khởi kiện buộc ông Mai Hoàng C phải trả nợ cho vợ chồng ông A số tiền còn lại là 2.590.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Ông C vay số tiền 3.000.000.000 đồng để kinh doanh bất động sản phục vụ gia đình được thể hiện ghi rõ tại Hợp đồng cho vay ngày 01/4/2023 trong thời kỳ hôn nhân, do đó buộc bà E là vợ ông C cùng trách nhiệm trả nợ chung cho ông A, bà G. Tuy nhiên, ngày 04/5/2023 ông C, bà E đã ly hôn theo quyết định số 78/2023/QĐST – HNGĐ của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết nên buộc ông C, bà E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ và được chia phần trả nợ cho ông A, bà G là có cơ sở.

[9] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về chi phí tố tụng: ông A không yêu cầu ông C phải hoàn trả tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 159, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, khoản 01 Điều 30, khoản 2 Điều 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang A.

Buộc ông Mai Hoàng C và bà Phạm Thị Thanh E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Quang A và bà Lê Thị Ngọc G số tiền là 2.590.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm chín mươi triệu đồng) và được chia phần như sau: ông Mai Hoàng C có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Quang A và bà Lê Thị Ngọc G số tiền là 1.295.000.000đ (Một tỷ, Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Bà Phạm Thị Thanh E có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Quang A và bà Lê Thị Ngọc G số tiền là 1.295.000.000đ (Một tỷ, Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/Về chi phí giám định: ông Trần Quang A tự chịu.

4/Về Án phí: ông Mai Hoàng C phải nộp 50.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Phạm Thị Thanh E phải nộp 50.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 46.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0015632 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết cho ông Trần Quang A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn ông A, người có quyền lợi, nghiã vụ liên quan bà G. Vắng mặt bị đơn ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E. Quyền kháng cáo bản án này của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2023). Quyền kháng cáo bản án này của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*;
- *VKS Tp. Phan Thiết;*
-*Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà